

Số: 159/QĐ - BVPTU

Hà Nội, ngày 25 tháng 01 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu
Gói thầu Cung cấp thuốc chống lao giai đoạn 2024-2025 thuộc kế hoạch lựa chọn nhà thầu cung cấp thuốc chống lao giai đoạn 2024- 2025 sử dụng nguồn quỹ Bảo hiểm y tế và chi phí cùng chi trả

GIÁM ĐỐC BỆNH VIỆN PHỔI TRUNG ƯƠNG

Căn cứ Quyết định số 1816/QĐ-BYT ngày 23/5/2014 của Bộ trưởng Bộ Y tế về việc ban hành Điều lệ Tổ chức và Hoạt động của Bệnh viện Phổi Trung ương;

Căn cứ Luật đấu thầu số 43/2013/QH13 ngày 26/11/2013 của Quốc hội;

Căn cứ Nghị định số 63/2014/NĐ-CP ngày 26/6/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đấu thầu về Lựa chọn nhà thầu;

Căn cứ Thông tư số 15/2019/TT-BYT ngày 11/7/2019 của Bộ trưởng Bộ Y tế quy định việc đấu thầu thuốc tại các cơ sở y tế công lập và Thông tư số 06/2023/TT-BYT ngày 12/3/2023 của Bộ Y tế sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 15/2019/TT-BYT ngày 11 tháng 7 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Y tế quy định việc đấu thầu thuốc tại các cơ sở y tế công lập;

Căn cứ Thông tư số 15/2020/TT-BYT ngày 10/8/2020 của Bộ Y tế ban hành danh mục thuốc đấu thầu, danh mục thuốc đấu thầu tập trung, danh mục thuốc được áp dụng hình thức đàm phán giá; Thông tư số 15/2022/TT-BYT ngày 09/12/2022 của Bộ Y tế sửa đổi, bổ sung một số điều và Phụ lục tại Thông tư số 03/2019/TT-BYT ngày 28 tháng 3 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Y tế ban hành Danh mục thuốc sản xuất trong nước đáp ứng yêu cầu về điều trị, giá thuốc và khả năng cung cấp và Thông tư số 15/2020/TT-BYT ngày 10 tháng 8 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Y tế ban hành Danh mục thuốc đấu thầu, Danh mục thuốc đấu thầu tập trung, Danh mục thuốc được áp dụng hình thức đàm phán;

Căn cứ Thông tư 08/2022/TT-BKHĐT ngày 31/5/2022 của Bộ kế hoạch và đầu tư quy định chi tiết việc cung cấp, đăng tải thông tin về đấu thầu và lựa chọn nhà thầu trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia;

Căn cứ Thông tư số 36/2021/TT-BYT ngày 31/12/2021 của Bộ Y tế quy định việc khám bệnh, chữa bệnh và thanh toán chi phí khám bệnh, chữa bệnh bảo hiểm y tế liên quan đến khám, chữa bệnh lao;

Căn cứ Quyết định 2050/QĐ-BYT ngày 28/4/2021 của Bộ Y tế về việc giao nhiệm vụ đấu thầu tập trung quốc gia đối với thuốc chống lao hàng 1 sử dụng nguồn quỹ BHYT cho Bệnh viện Phổi Trung ương;

Căn cứ Quyết định số 4317/QĐ-BYT ngày 23/11/2023 của Bộ trưởng Bộ Y tế về việc phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu cung cấp thuốc chống lao giai đoạn 2024-2025 sử dụng nguồn quỹ Bảo hiểm y tế và chi phí cùng chi trả;



Căn cứ Quyết định số 1425/QĐ-BVPTU ngày 13/9/2023 của Giám đốc Bệnh viện Phổi Trung ương về việc thành lập Tổ chuyên gia đấu thầu để thực hiện đấu thầu tập trung quốc gia đối với thuốc chống lao giai đoạn 2024- 2025;

Căn cứ Quyết định số 2009/QĐ-BVPTU ngày 07/12/2023 của Giám đốc Bệnh viện Phổi Trung ương về việc phê duyệt E-HSMT gói thầu Cung cấp thuốc chống lao giai đoạn 2024-2025 thuộc kế hoạch lựa chọn nhà thầu cung cấp thuốc chống lao giai đoạn 2024- 2025 sử dụng nguồn quỹ Bảo hiểm y tế và chi phí cùng chi trả,

Căn cứ Quyết định số 51/QĐ-BVPTU ngày 11/01/2024 của Giám đốc Bệnh viện Phổi Trung ương về việc phê duyệt kết quả đánh giá E-HSĐXKT gói thầu Cung cấp thuốc chống lao giai đoạn 2024-2025 thuộc kế hoạch lựa chọn nhà thầu cung cấp thuốc chống lao giai đoạn 2024- 2025 sử dụng nguồn quỹ Bảo hiểm y tế và chi phí cùng chi trả,

Căn cứ Quyết định số 80/QĐ-BVPTU ngày 17/01/2024 của Giám đốc Bệnh viện Phổi Trung ương về việc phê duyệt danh sách xếp hạng nhà thầu gói thầu Cung cấp thuốc chống lao giai đoạn 2024-2025 thuộc kế hoạch lựa chọn nhà thầu cung cấp thuốc chống lao giai đoạn 2024- 2025 sử dụng nguồn quỹ Bảo hiểm y tế và chi phí cùng chi trả;

Căn cứ Biên bản thương thảo thoả thuận khung giữa Bệnh viện Phổi Trung ương với các nhà thầu;

Xét đề nghị của Tổ trưởng Tổ thẩm định đấu thầu tại Tờ trình ngày 19/01/2024,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu gói thầu Cung cấp thuốc chống lao giai đoạn 2024-2025 thuộc kế hoạch lựa chọn nhà thầu cung cấp thuốc chống lao giai đoạn 2024- 2025 sử dụng nguồn quỹ Bảo hiểm y tế và chi phí cùng chi trả, gồm các nội dung sau:

- Danh sách các nhà thầu trúng thầu và các khoản thuốc trúng thầu, giá trúng thầu:

STT	Tên nhà thầu trúng thầu	Số khoản thuốc trúng thầu	Tổng giá trị trúng thầu (VND có VAT)
1	Công ty Cổ Phần Dược Phẩm Imexpharm	01	108.412.496.400
2	Công ty Cổ Phần Hóa - Dược Phẩm Mekophar	03	2.601.366.365
3	Công ty Cổ Phần Dược Phẩm Minh Dân	01	3.726.368.701
4	Công ty Cổ Phần Dược Phẩm Nam Hà	02	276.464.345.302
5	Công ty Cổ Phần Dược Phẩm Trung Ương I - Pharbaco	01	1.723.837.542
6	Công ty TNHH Một Thành Viên Dược Sài Gòn	02	4.753.891.120
	Tổng: 06 nhà thầu	10 thuốc	397.682.305.430

(Thông tin chi tiết trong phụ lục đính kèm)

- Cách thức thực hiện:

+ Bệnh viện Phổi Trung ương ký thỏa thuận khung với nhà thầu trúng thầu (theo đơn giá cố định).

+ Các cơ sở y tế ký hợp đồng theo đơn giá cố định với nhà thầu đã ký thỏa thuận khung. Đơn giá thuốc trong hợp đồng cung ứng thuốc được ký kết giữa nhà thầu với các cơ sở y tế không vượt quá giá trúng thầu đã được Giám đốc Bệnh viện Phổi Trung ương phê duyệt theo kết quả lựa chọn nhà thầu thuộc Gói thầu Cung cấp thuốc chống lao giai đoạn 2024-2025 (Đơn giá trúng thầu được phê duyệt cũng là đơn giá thuốc được nêu trong thỏa thuận khung).

- Thời gian thực hiện Thỏa thuận khung: 26 tháng kể từ ngày ký;

- Thời gian thực hiện hợp đồng: 24 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực, trong thời gian có hiệu lực của thỏa thuận khung (26 tháng).

- Loại hợp đồng: Hợp đồng theo đơn giá cố định.

Điều 2. Giá trúng thầu đã bao gồm tất cả các loại thuế, phí, lệ phí theo luật định, chi phí vận chuyển, giao hàng đến tận cơ sở y tế ký hợp đồng với nhà thầu trúng thầu và các yêu cầu về chất lượng thuốc, dịch vụ theo yêu cầu của Bệnh viện Phổi Trung ương.

Điều 3. Bệnh viện Phổi Trung ương có trách nhiệm ký kết Thỏa thuận khung với nhà thầu trúng thầu nêu tại Điều 1 theo đúng các quy định hiện hành.

Điều 4. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký ban hành.

Điều 5. Các Ông (Bà): Lãnh đạo Dự án phòng chống lao (Giám đốc, Phó Giám đốc), Trưởng phòng Tài chính kế toán, Trưởng khoa Dược, các nhà thầu trúng thầu và Thủ trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 5;

- Lưu: VT, Dược.



Đinh Văn Lượng

PHỤ LỤC 1: DANH SÁCH NHÀ THẦU VÀ THUỐC TRÚNG THẦU
GÓI THẦU: CUNG CẤP THUỐC CHỐNG LAO GIAI ĐOẠN 2024-2025

Thuộc kế hoạch lựa chọn nhà thầu cung cấp thuốc chống lao giai đoạn 2024- 2025 sử dụng nguồn quỹ Bảo hiểm y tế và chi phí cùng chi trả

(Kèm theo Quyết định số 159/QĐ-BVPTU ngày 25/01/2024 của Giám đốc Bệnh viện Phổi Trung ương)

STT	Mã thuốc	Tên thuốc	Tên hoạt chất	Nồng độ, Hàm lượng	Đường dùng	Dạng bào chế	Quy cách	Nhóm thuốc	Hạng dùng (Tuổi thọ)	GDKLH hoặc GPNK	Hiệu lực GDKLH/ GPNK	Cơ sở sản xuất	Nước sản xuất	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (VNĐ có VAT)	Thành tiền (VNĐ)	
Công ty Cổ Phần Dược Phẩm Imexpharm																		
1	20.318.N3.400	Ethambutol 400mg	Ethambutol hydroclorid	400mg	Uống	Viên nén bao phim	Hộp 10 vỉ x 12 viên	3	48 Tháng	VD-20750-14	31/12/2024 (theo Quyết định số 62/QĐ-QLD ngày 08/02/2023)	Công ty Cổ phần Dược phẩm Imexpharm	Việt Nam	Viên	83.394.228	1.300	108.412.496.400	
Tổng:	01 khoản																	108.412.496.400
Công ty Cổ Phần Hóa - Dược Phẩm Mekophar																		
1	20.319.N4.150	Meko INH 150	Isoniazid	150mg	Uống	Viên nén	Hộp 1 chai x 100 viên	4	36 tháng	VD-32143-19	27/2/2024	Công ty cổ phần Hóa - Dược phẩm Mekophar	Việt Nam	Viên	637.447	236	150.437.492	
2	20.319.N4.300	Meko INH 300	Isoniazid	300mg	Uống	Viên nén	Hộp 1 chai 100 viên	4	36 tháng	893110060123	24/3/2028	Công ty cổ phần Hóa - Dược phẩm Mekophar	Việt Nam	Viên	2.804.346	360	1.009.564.560	
3	20.321.N4.500	Pyrazinamide 500mg	Pyrazinamide	500mg	Uống	Viên nén	Hộp 10 vỉ x 10 viên	4	36 tháng	VD-24414-16	31/12/2024 (theo Quyết định số 62/QĐ-QLD ngày 08/02/2023)	Công ty cổ phần Hóa - Dược phẩm Mekophar	Việt Nam	Viên	2.831.757	509	1.441.364.313	
Tổng:	03 khoản																	2.601.366.365
Công ty Cổ Phần Dược Phẩm Minh Dân																		
1	20.318.N4.400	Ethambutol 400mg	Ethambutol hydroclorid	400mg	Uống	Viên nén bao phim	Hộp 10 vỉ x 10 viên	4	36 tháng	VD-22943-15	31/12/2024 (theo Quyết định số 62/QĐ-QLD ngày 08/02/2023)	Công ty CPDP Minh Dân	Việt Nam	Viên	4.527.787	823	3.726.368.701	
Tổng:	01 khoản																	3.726.368.701

STT	Mã thuốc	Tên thuốc	Tên hoạt chất	Nồng độ, Hàm lượng	Đường dùng	Dạng bào chế	Quy cách	Nhóm thuốc	Hạng dùng (Tuổi thọ)	GĐKLH hoặc GPNK	Hiệu lực GĐKLH/ GPNK	Cơ sở sản xuất	Nước sản xuất	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (VND có VAT)	Thành tiền (VND)		
1	20.323.N3.2 50	Turbe	Rifampicin + Isoniazid	150mg+ 100mg	Uống	Viên nén bao phim	Hộp 3 vỉ x 12 viên	3	48 tháng	VD-20146-13	21/12/2027 (theo Quyết định số 833/QĐ-QLD ngày 21/12/2022)	Công ty cổ phần dược phẩm Nam Hà	Việt Nam	Viên	86.678.458	1.748	151.513.944.584		
2	20.324.N3.6 25	Turbezid	Rifampicin + Isoniazid + Pyrazinamid	150mg +75mg + 400mg	Uống	Viên nén bao phim	Hộp 3 vỉ x 12 viên	3	48 tháng	VD-26915-17	31/12/2024 (theo Quyết định số 62/QĐ-QLD ngày 08/02/2023)	Công ty cổ phần dược phẩm Nam Hà	Việt Nam	Viên	44.657.041	2.798	124.950.400.718		
Tổng:	02 khoản																	276.464.345.302	
Công ty Cổ Phần Dược Phẩm Trung Ương I - Pharbaco																			
1	20.326.N4.1 000	Trepmycin	Streptomycin	1g	Tiêm	Bột pha tiêm	Hộp 50 lọ	4	48 tháng	VD-18364-13	31/12/2024 (theo Quyết định số 62/QĐ-QLD ngày 08/02/2023)	Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung Ương I - Pharbaco	Việt Nam	Lọ	401.079	4.298	1.723.837.542		
Tổng:	01 khoản																	1.723.837.542	
Công ty TNHH Một Thành Viên Dược Sài Gòn																			
1	20.322.N3.3 00	Agifamcin 300	Rifampicin	300mg	Uống	Viên nang cứng	Hộp 10 vỉ x 10 viên	3	36 tháng	893110053423	24/03/2028	Chi nhánh Công ty cổ phần dược phẩm Agimexpharm - Nhà máy sản xuất dược phẩm	Việt Nam	Viên	787.905	2.180	1.717.632.900		
2	20.322.N4.3 00	Agifamcin 300	Rifampicin	300mg	Uống	Viên nang cứng	Hộp 10 vỉ x 10 viên	4	36 tháng	893110053423	24/03/2028	Chi nhánh Công ty cổ phần dược phẩm Agimexpharm - Nhà máy sản xuất dược phẩm	Việt Nam	Viên	1.392.779	2.180	3.036.258.220		
Tổng:	02 khoản																	4.753.891.120	
Tổng:		10 khoản																	397.682.305.430



Đinh Văn Lượng